

Số: 31/2022/QĐST-HNGĐ

Hương Trà, ngày 05 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố G 3, phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh **Đặng Ngọc L**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố G 3, phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị P và anh Đặng Ngọc L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Đặng Ngọc Quang T, sinh ngày 28/9/2012 và Đặng Tuấn P, sinh ngày 12/11/2016. Hai bên thỏa thuận giao 02 cháu Đặng Ngọc Quang T, sinh ngày 28/9/2012 và Đặng Tuấn P, sinh ngày 12/11/2016 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Đặng Ngọc L phải cấp dưỡng cho cháu Đặng Ngọc Quang T mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng cho cháu

Đặng Tuấn P mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị P tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con. Chị P đã nộp 9.300.000 đồng tạm ứng án phí, nên trả lại cho chị P 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền chênh lệch tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009905 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

T hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND xã/phường;
- Các đương sự;
- Lưu dân,
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh